

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2018/LĐ-ST
Ngày: 30/11/2018
V/v Tranh chấp về tiền lương.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang – Cán bộ hưu trí.
2. Ông Mai Ngọc Thuận – Phó trưởng Liên đoàn lao động quận Bình Tân.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Thrần Thị Trúc Ly – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2018/TLST-LĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2018, về việc “Tranh chấp tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 476/2018/QĐXXST-LĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 491/2018/QĐST-LĐ, ngày 30/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc Th; Sinh năm: 1978; Hộ khẩu thường trú: 59/20 LTT, phường TTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Phi P; Sinh năm: 1961; Địa chỉ: 710/30 LBB, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH S; Trụ sở: 95 LĐC, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người làm chứng:

1/ Bà Trần Thị T; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: xã XĐ, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Huỳnh Ngọc H; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: 54 BH, P 13, Q 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Lê Mộng N; Sinh năm: 1969; Địa chỉ: Ấp HP, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do;
Người làm chứng có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn – Bà Phạm Ngọc Th trình bày tại đơn khởi kiện và Ông Đặng Phi P là người đại diện theo ủy quyền của Bà Th trình bày tại bản tự khai, tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại các biên bản hòa giải như sau:

Bà Phạm Ngọc Th là người lao động làm việc tại Công ty TNHH S từ ngày 10/8/2012 đến tháng 03/2018, Bà Th không ký hợp đồng lao động, không được công ty tham gia BHXH. Công ty TNHH S đã ngừng hoạt động từ cuối tháng 3/2018 vì người sử dụng lao động không có mặt tại doanh nghiệp. Công ty TNHH S còn nợ tiền lương tháng 02 và 3 năm 2018 của Bà Th. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho Bà Th, Bà Th khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S phải thanh toán tiền lương cho Bà Th trong tháng 02 năm 2018 và 26 ngày làm việc trong tháng 3 năm 2018 tổng cộng là 5.265.000 đồng.

Bị đơn là Công ty TNHH S: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập Công ty TNHH S đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng Công ty TNHH S đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã phối hợp cùng với chính quyền địa phương trực tiếp đến trụ sở của Công ty TNHH S để thực hiện việc tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng Công ty TNHH S đã đóng cửa, ngưng hoạt động nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn – Bà Phạm Ngọc Th có Ông Đặng Phi P là đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn – Công ty TNHH S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tuy nhiên về thời hạn xét xử chưa được đảm bảo theo các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn - Bà Phạm Ngọc Th với bị đơn - Công ty TNHH S là tranh chấp về tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH S có trụ sở tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và chưa đăng ký giải thể nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Xét theo lời trình bày của nguyên đơn Bà Phạm Ngọc Th thì Công ty TNHH S đã ngừng sản xuất và hoạt động vào khoảng cuối tháng 03 năm 2018, vì vậy tháng 4 năm 2018 bà đã có đơn yêu cầu hòa giải tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội quận Bình Tân và tháng 06 năm 2018 Bà Th chính thức khởi kiện ra Tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012, đơn của bà Thứ còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về điều kiện khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện có tranh chấp về tiền lương nên đây là tranh chấp thuộc trường hợp phải thông qua thủ tục hòa giải trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào biên bản hòa giải không thành về tranh chấp lao động ngày 03/4/2018 tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Bình Tân thì nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu xin được vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Đối với bị đơn Công ty TNHH S đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập Công ty TNHH S đến Tòa để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng Công ty TNHH S vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu đòi tiền lương số tiền là 5.265.000 đồng, bao gồm: Lương tháng 02 năm 2018 và 26 ngày làm việc trong tháng 3 năm 2018. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo lời khai của người lao động là Bà Phạm Ngọc Th, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có căn cứ xác định Bà Phạm Ngọc Th vào làm tại Công ty TNHH S từ tháng 8/2012 cho đến tháng 03/2018 nhưng không được

ký hợp đồng lao động, không tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Căn cứ vào bảng lương do công ty Sunlight lập và căn cứ vào lời khai của những người làm chứng là Bà Trần Thị T là người tính lương tháng cho công nhân trong đó có Bà Phạm Ngọc Th thì Bà Th xác định bảng tính lương mà Bà Th nộp cho Tòa là đúng của Công ty TNHH S lập, bà xác nhận bà có tính lương và bảng lương Bà Th đưa ra là đúng. Các nhân chứng khác là Bà Lê Mộng N, Bà Huỳnh Ngọc H là những người lao động cùng làm việc tại Công ty TNHH S với Bà Th đều xác nhận Bà Th có làm việc tại Công ty TNHH S cho đến ngày công ty ngừng hoạt động. Căn cứ vào kết quả xác minh tại công an phường Tân Tạo nơi Công ty TNHH S đặt trụ sở thì thời gian Công ty TNHH S ngừng hoạt động là tháng 3/2018. Như vậy lời khai của những người làm chứng phù hợp với kết quả xác minh do đó có căn cứ xác định Công ty TNHH S ngừng hoạt động từ tháng 03/2018 và chưa thực hiện việc trả lương cho Bà Phạm Ngọc Th trong tháng 02 và tháng 3 năm 2018. Về số tiền lương, theo Bà Th thì số tiền lương bà chưa nhận được trong tháng 02/2018 là 2.136.500 đồng và tháng 03/2018 là 3.129.000 đồng. Bà Th chỉ có chứng cứ chứng minh là các bảng lương do Công ty TNHH S lập có xác nhận của Bà Trần Thị T phòng nhân sự. Tại Tòa Bà Trần Thị T đã xác nhận tất cả tài liệu về bảng lương Bà Th nộp cho Tòa là do bà lập cho Công ty TNHH S và bà xin chịu trách nhiệm về lời khai của bà. Như vậy, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ xác định rằng Công ty TNHH S còn nợ tiền lương của Bà Phạm Ngọc Th số tiền là 5.265.500 đồng. Tuy, nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là 5.265.000 đồng nên có cơ sở chấp nhận. Phía bị đơn - Công ty TNHH S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này cho thấy Công ty TNHH S đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận. Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc hồ sơ vi phạm thời hạn xét xử, do hồ sơ có thu thập chứng cứ nên thời gian giải quyết vụ án kéo dài, nên đã vi phạm thời hạn xét xử.

Án phí lao động sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Công ty TNHH S phải nộp. Bà Phạm Ngọc Th không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, Điều 96, khoản 1 Điều 201 và khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Ngọc Th.

2. Buộc Công ty TNHH S phải trả tiền lương cho Bà Phạm Ngọc Th số tiền là 5.265.500 đồng, bao gồm: Tiền lương tháng 02/2018 là 2.136.500 đồng và lương tháng 03/2018 số tiền là 3.129.000 đồng. Ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền như đã nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi, lãi suất được tính theo mức lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất, thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng thương mại, nơi bị đơn mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

3. Án phí lao động sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Công ty TNHH S phải nộp. Bà Phạm Ngọc Th không phải nộp án phí.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Lệ Hoa